

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện khâu đột phá về nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng
và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ phát triển
kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh
lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020**

Để tổ chức thực hiện thắng lợi khâu đột phá về "Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội" theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Thông báo số 258-TB/TU ngày 07/10/2016 của Tỉnh ủy về kết quả Hội nghị lần thứ Năm, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII,

UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá về "Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội", bao gồm các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm sản xuất trong tỉnh, góp phần thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh và bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

2. Các mục tiêu cụ thể

2.1 Về nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ

- Đến năm 2020, thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp khoảng 30% - 35% tăng trưởng kinh tế.

- Tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong tổng GRDP đạt 30% trở lên.

- Có ít nhất 50 sản phẩm địa phương được xây dựng tiêu chuẩn và được bảo hộ về sở hữu trí tuệ.

- 100% cơ quan quản lý nhà nước ở cấp tỉnh, cấp huyện áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008; 100% UBND phường, thị trấn và UBND xã đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

- 100% các dự án đầu tư mới trên địa bàn tỉnh được thẩm định về công nghệ.

2.2 Về nâng cao năng lực khoa học và công nghệ

- 100% tổ chức KH&CN công lập được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bồi dưỡng, đào tạo nhân lực, nâng cao hiệu quả hoạt động để đến năm 2020 đạt loại Tốt trở lên.

- 100% các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và 70% phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các doanh nghiệp sản xuất đạt chuẩn VILAS; trong đó, tất cả phòng thí nghiệm, thử nghiệm thuộc lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ thông tin, y dược đạt chuẩn VILAS.

- Có ít nhất 30 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Xây dựng được 4 - 5 nhóm chuyên gia KH&CN trên các lĩnh vực KH&CN ưu tiên của tỉnh: nông nghiệp, y học, công nghệ thông tin.

- Hoàn thành xây dựng hạ tầng: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng; khu nông nghiệp công nghệ cao thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định; vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao dọc tuyến đường Hồ Chí Minh; khu công nghệ thông tin tập trung.

II. NỘI DUNG

1. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, tiến bộ khoa học - kỹ thuật phù hợp với năng lực của tỉnh và có khả năng tạo sự đột phá trong phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm; trong đó ưu tiên công nghệ sinh học, công nghệ thông tin. Các lĩnh vực cần tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học - kỹ thuật để tạo sự đột phá, gồm: Nông nghiệp, y dược, môi trường, công nghệ thông tin, hoạt động của chính quyền các cấp.

1.1 Lĩnh vực nông nghiệp

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ mới, tiến bộ khoa học - kỹ thuật, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn đạt 100%, trong đó sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 30%.

a) Trong trồng trọt:

- Nghiên cứu chọn tạo, khảo nghiệm và ứng dụng rộng rãi giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu sâu bệnh, điều kiện thời tiết bất thuận cao; tập trung vào các đối tượng cây trồng có lợi thế (lúa, mía, ngô, rau an toàn, hoa cây cảnh, cây ăn quả và cây thức ăn chăn nuôi ...); phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ sử dụng giống tiến bộ kỹ thuật bằng mức trung bình của cả nước: 90% đối với lúa; 95% đối với ngô; 80% đối với rau màu, 90% đối với cây công nghiệp.

+ Áp dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm (tưới phun, tưới nhỏ giọt, tưới thấm...); phấn đấu đến năm 2020 nâng tỷ lệ tưới nước tiết kiệm lên 50% đối với rau an toàn, cây ăn quả và vùng mía thâm canh.

- Nghiên cứu sản xuất và từng bước sử dụng giống cây trồng biến đổi gen (ngô, đậu tương...), trong đó diện tích trồng ngô biến đổi gen khoảng 1.000 ha.

- Nâng tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu sản xuất; phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất đạt 95%; tỷ lệ cơ giới hóa của khâu gieo trồng, chăm bón 70%, khâu thu hoạch là 70%, khâu chế biến 80%.

- Áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật về giống, hệ thống canh tác, cơ giới hóa, quản lý dịch bệnh, tạo ra chuỗi sản xuất hợp lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và bảo vệ môi trường. Tập trung phát triển vùng lúa thâm canh năng suất chất lượng cao 150 nghìn ha gieo trồng, trong đó có trên 10.000 ha theo phương pháp hữu cơ (SRI), giảm phát thải khí nhà kính, thân thiện với môi trường tạo ra sản phẩm lúa có hàm lượng protein cao. Phấn đấu đến năm 2020 sản xuất rau an toàn đạt khoảng 12.000 ha; Vùng mía thâm canh cánh đồng mẫu lớn đạt 20.000 ha; cây ăn quả tập trung (dứa, cam, bưởi, chuối...) gắn với công nghiệp chế biến 7.000 ha.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ nhà kính, nhà lưới để sản xuất rau, cây ăn quả, hoa.

b) Trong chăn nuôi:

- Ứng dụng công nghệ di truyền để chọn lọc giống, tạo giống chất lượng và bảo tồn nguồn gen; sản xuất giống mới có năng suất, chất lượng cao, tập trung vào một số loại gia súc, gia cầm có lợi thế như: phát triển giống lợn nái ngoại nuôi công nghiệp có tỷ lệ nạc cao, phấn đấu đến năm 2020 đạt 60%; thực hiện đồng thời việc nhập khẩu và tạo giống bò thịt chất lượng cao, nâng tỷ lệ bò lai đến năm 2020 đạt 75%; giống bò sữa chủ yếu là nhập ngoại.

- Nâng tỷ lệ cơ giới hóa trong chăn nuôi: giai đoạn 2017 - 2020 dự kiến các trang trại chăn nuôi nói chung, trang trại chăn nuôi lợn và gà nói riêng có hệ thống chuồng kín, chuồng mát, điều hòa ẩm độ, máng ăn, máng uống tự động đạt 50%; 100% trang trại bò sữa tự động hóa và cơ giới hóa.

- Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phát triển chăn nuôi theo quy trình VietGap, đảm bảo chất lượng cao và an toàn sinh học.

c) Trong thủy sản:

- Tiếp tục nghiên cứu và nhân rộng công nghệ sản xuất giống thủy sản chất lượng cao; từng bước chủ động sản xuất giống trên địa bàn, phấn đấu đến 2020 sản xuất đáp ứng 100% nhu cầu giống trong tỉnh các loại: cua, ngao, cá bông bớp, cá rô phi đơn tính và 50% nhu cầu giống tôm sú, tôm chân trắng.

- Triển khai các mô hình nuôi trồng theo hướng thâm canh, áp dụng công nghệ cao, trong đó tôm chân trắng thâm canh 500 ha; ngao Bến Tre 1.500 ha; cá rô phi đơn tính tập trung thâm canh xuất khẩu 1.000 ha. Nghiên cứu phát triển mô hình nuôi các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế phù hợp với từng địa bàn và từng loại hình mặt nước; đẩy mạnh hình thức nuôi lồng, bè trên biển, các mô hình nuôi kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái.

- Nâng cao năng lực khai thác hải sản xa bờ gắn với áp dụng công nghệ hiện đại, nâng số tàu khai thác xa bờ có công suất 90 CV trở lên đạt 2.000 tàu.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cấp đông sản phẩm trên biển, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hải sản đánh bắt trên biển.

d) Trong lâm nghiệp:

- Ứng dụng công nghệ nhân giống cây lâm nghiệp bằng nuôi cấy mô, hom. Đến năm 2020, phát triển 56.000 ha rừng gỗ lớn, khoảng 30.000 ha vùng luồng thâm canh. Phân đầu diện tích trồng mới sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao đạt 90% trở lên.

- Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong lâm nghiệp: cơ giới hóa khâu làm đất đạt 10%, chăm sóc đạt 50%, thu hoạch đạt 70%, chế biến đạt 90%.

- Nghiên cứu trồng thử một số cây lâm nghiệp mới; khảo nghiệm sản xuất cây có giá trị kinh tế cao gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

e) Trong chế biến sau thu hoạch:

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ sau thu hoạch từ khâu bảo quản, sơ chế và chế biến các sản phẩm, góp phần giảm thiểu tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch và nâng cao giá trị sản phẩm. Tập trung phổ cập công nghệ làm khô lúa và hoa màu sau thu hoạch. Tiếp thu và phổ cập công nghệ bảo quản lạnh, công nghệ an toàn thực phẩm để bảo quản rau, hoa, quả tươi, thủy sản, sản phẩm chăn nuôi.

- Từng bước hiện đại hóa hệ thống kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm chế biến theo công nghệ phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

1.2 Lĩnh vực y dược

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị:

a) Trong xét nghiệm, chẩn đoán:

- Ứng dụng các phương pháp chẩn đoán hình ảnh hiện đại: MSCT, SPECT, PET/CT, MRI.

- Ứng dụng xét nghiệm sinh hóa cao cấp, huyết học, chẩn đoán mô bệnh học, miễn dịch huỳnh quang, sinh học phân tử.

b) Trong phẫu thuật, điều trị:

- Ứng dụng phẫu thuật nội soi trong tất cả các chuyên khoa: ổ bụng, thận - tiết niệu, tai mũi họng, thần kinh - cột sống, sản phụ khoa, xương khớp, lồng ngực.

- Ứng dụng kỹ thuật robot trong phẫu thuật.

- Ứng dụng kỹ thuật ghép tạng: ghép giác mạc, ghép thận...

- Can thiệp tim mạch: bệnh động mạch vành, động mạch ngoại vi, nút mạch điều trị khối u, dị dạng não.

- Ứng dụng các liệu pháp điều trị ung thư: phương pháp phẫu thuật, hóa trị liệu, xạ trị điều trị.

- Ứng dụng tế bào gốc trong điều trị.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông giúp kết nối bác sĩ và bệnh nhân.

- Ứng dụng công nghệ nano, công nghệ sinh học trong y học

- Nghiên cứu và phát triển các phương pháp y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng.

c) Trong sản xuất dược phẩm:

- Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong sản xuất thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng và sinh phẩm y tế.

- Nghiên cứu đẩy mạnh phát triển vùng trồng, sơ chế, bảo quản, chế biến cây dược liệu tỉnh Thanh Hóa.

1.3 Lĩnh vực công nghệ thông tin

a) Trong phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

- Tập trung nghiên cứu sản xuất sản phẩm nội dung số, phần mềm, từng bước xây dựng công nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh. Riêng đối với khu công nghệ thông tin tập trung, phấn đấu đến năm 2018 đạt doanh thu 120 tỷ đồng, năm 2019 đạt 200 tỷ đồng và đến năm 2020 đạt 300 tỷ đồng từ sản phẩm phần mềm và nội dung số.

- Ươm tạo được ít nhất 20 doanh nghiệp sản xuất phần mềm, nội dung số.

b) Trong ứng dụng công nghệ thông tin:

- Đẩy mạnh xây dựng, ứng dụng các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho hoạt động chuyên môn của các cơ quan hành chính, sự nghiệp. Phấn đấu đến năm 2017, có 100% các dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 3; tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4 lần lượt là: năm 2017: 15%; năm 2018: 25%; năm 2019: 35%; năm 2020: 50%; ứng dụng các phần mềm xây dựng thành phố thông minh.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh ứng dụng các phần mềm quản lý, quản trị; phát triển thương mại điện tử.

- Ứng dụng công nghệ giám sát an ninh công cộng và thông tin liên lạc, giám sát viễn thông tin học.

1.4. Lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên bộ mới trong xử lý ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, tụ điểm khai thác, chế biến khoáng sản, các làng nghề, lưu vực sông, các đô thị và khu vực nông thôn. Đẩy mạnh nghiên cứu, nhân rộng các mô hình xử lý nước thải y tế, nước thải công nghiệp, nước thải chế biến nông, lâm, hải sản, nước thải sinh hoạt đô thị; xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại. Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; Ứng dụng công nghệ, các kỹ thuật tiên bộ nhằm tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- Nghiên cứu các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý hiếm.

1.5 Lĩnh vực nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp.

Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến củng cố và xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước; đổi mới cơ chế quản lý; cải cách hành chính; xây dựng chính quyền các cấp kiến tạo, phục vụ.

2. Tập trung thu hút các dự án sản xuất, kinh doanh sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao, tạo đột phá về ứng dụng KH&CN

Ưu tiên thu hút các dự án sản xuất, kinh doanh sản phẩm có hàm lượng KH&CN cao, tạo đột phá về ứng dụng KH&CN.

2.1 Lĩnh vực nông nghiệp

Phát triển vùng lúa chất lượng cao gắn với chế biến gạo; sản xuất lúa chất lượng cao, an toàn bằng phương pháp hữu cơ; sản xuất hạt lai F1, sản xuất giống lúa thuần năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; sản xuất, chế biến cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao; chế biến cói xuất khẩu; đầu tư du nhập và phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao; xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu quế tập trung gắn với chế biến tinh dầu xuất khẩu; ứng dụng công nghệ cao sản xuất tre ép công nghiệp.

2.2 Lĩnh vực công nghiệp

Sản xuất thiết bị âm thanh, nghe nhìn, thiết bị thông tin liên lạc; thiết bị bán dẫn, máy tính và thiết bị ngoại vi máy tính; thiết bị điều hòa không khí, sưởi ấm. sản xuất vật liệu, panel pin mặt trời; vật liệu không nung loại nhẹ; gạch không nung bê tông; sản xuất điện năng lượng mặt trời nổi lưới; thiết bị đồng bộ khai thác, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo; nhà máy sản xuất khí công nghiệp.

2.3 Lĩnh vực công nghệ thông tin

Sản xuất phần mềm ứng dụng phục vụ sản xuất, chế biến thuộc lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao; phần mềm ứng dụng phục vụ công tác quản lý tài nguyên - môi trường (dự báo, cảnh báo thiên tai, thảm họa môi trường...); phần mềm ứng dụng phục vụ công tác quản lý giao thông vận tải (điều khiển, giám sát hệ thống giao thông ...); phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước (Phần mềm một cửa điện tử liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; quản lý, liên thông văn bản, hồ sơ công việc; hệ thống thông tin phục vụ công tác chuyên ngành: nhân sự, thi đua khen thưởng, lao động việc làm, giáo dục, y tế, bảo hiểm ...)

Xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp thông tin kinh tế - xã hội: Cơ sở dữ liệu về từng lĩnh vực kinh tế xã hội (văn hóa, du lịch, y tế, giáo dục, lao động, công thương.

2.4 Lĩnh vực Y - Dược

Sản xuất dược phẩm công nghệ cao; sản xuất mỹ phẩm công nghệ cao; sản xuất thiết bị y tế.

2.5 Sản phẩm công nghệ cao

Đặc biệt ưu tiên các dự án sản xuất các sản phẩm công nghệ cao (thuộc danh mục 114 sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo Quyết định 66/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) như: phần mềm; thiết

bị kỹ thuật số; hệ thống thiết bị thông minh; linh kiện bán dẫn điện tử công suất thế hệ mới; cảm biến; động cơ điện chất lượng cao; giống thủy, hải sản chất lượng cao với quy mô công nghiệp; chế phẩm vi sinh vật dùng trong nông nghiệp, bảo quản và chế biến nông lâm, thủy, hải sản và xử lý môi trường; phân bón thế hệ mới; thuốc điều hòa sinh trưởng cho cây trồng, thuốc kích dục tổ thủy sản thế hệ mới; bộ KIT chẩn đoán các loại bệnh, kiểm soát an toàn thực phẩm; vật liệu polyme sinh học có khả năng tự phân hủy.

(Danh mục các dự án tại Phụ lục 2).

3. Nâng cao năng lực KH&CN của tỉnh cả về cơ sở vật chất, nhân lực và vốn đầu tư

3.1. Về cơ sở vật chất cho KH&CN

- Phát triển các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh theo hướng: các tổ chức KH&CN công lập trực thuộc các sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội được sắp xếp lại theo hướng giảm số lượng, nâng cao năng lực hoạt động KH&CN; doanh nghiệp KH&CN, các tổ chức KH&CN trực thuộc doanh nghiệp được đặc biệt khuyến khích phát triển cả về số lượng cũng như nâng cao năng lực KH&CN.

- Xây dựng được những kết cấu hạ tầng cơ bản nhất cho KH&CN, gồm: cơ sở hạ tầng khu công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung; cơ sở vật chất, trang thiết bị của các trung tâm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm trong các cơ quan nhà nước và trong doanh nghiệp; sàn giao dịch công nghệ.

3.2 Về nhân lực KH&CN

- Xây dựng được mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia giỏi trong tỉnh, trong nước và quốc tế sẵn sàng tham gia giải quyết các vấn đề KH&CN của tỉnh, của từng doanh nghiệp.

- Nâng cao được năng lực của đội ngũ cán bộ KH&CN trong các tổ chức KH&CN. Phấn đấu đến năm 2020 mỗi tổ chức KH&CN có ít nhất 1 cán bộ có trình độ tiến sĩ.

- Xây dựng được 4 - 5 nhóm chuyên gia KH&CN trên các lĩnh vực KH&CN ưu tiên của tỉnh: nông nghiệp, y học, công nghệ thông tin.

3.3 Về vốn đầu tư cho KH&CN

- Bố trí tăng dần tỷ lệ chi ngân sách cho KH&CN, gồm: Ngân sách địa phương (chi sự nghiệp khoa học, chi đầu tư phát triển KH&CN) để đến năm 2020 đạt 2% chi ngân sách tỉnh trở lên.

- Triển khai tích cực các biện pháp để vốn đầu tư khác cho KH&CN (Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; các chương trình, dự án về KH&CN của Trung ương, của các tổ chức quốc tế; đối ứng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; đầu tư của doanh nghiệp; Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh Thanh Hóa ...) bằng ít nhất 3 lần vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh.

(Danh mục dự án đầu tư phát triển KH&CN tại Phụ lục 3)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy nhanh việc kiện toàn các tổ chức khoa học và công nghệ

Thực hiện Quy hoạch phát triển các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; trong đó chú ý sắp xếp lại hợp lý các tổ chức KH&CN của các ngành, các trường đại học, cao đẳng. Nghiên cứu bổ sung vào quy hoạch các tổ chức KH&CN trực thuộc doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp sản xuất những sản phẩm chủ lực của tỉnh. Cụ thể là:

- Thành lập Viện Nghiên cứu ứng dụng KH&CN Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sáp nhập 4 trung tâm hiện có trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật chăn nuôi, Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng KHCN Lâm nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng KHKT giống cây trồng nông nghiệp, Trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống thủy sản) và 01 trung tâm hiện có thuộc Sở Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học). Viện Nghiên cứu ứng dụng KH&CN Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có vai trò là trụ cột trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa có chức năng nghiên cứu, sản xuất, tư vấn chuyển giao các phần mềm ứng dụng, các giải pháp bảo mật đảm bảo an ninh mạng phục vụ quản lý hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp; là cơ sở đào tạo, ươm tạo doanh nghiệp phần mềm, nội dung số trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cấp Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thanh Hóa thành đơn vị có khả năng phân tích, xét nghiệm, thử nghiệm hầu hết các chỉ tiêu cơ bản phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước của các sở, ngành.

- Rà soát, kiện toàn, nâng cao chất lượng của phòng nghiên cứu khoa học trong các trường Đại học, Cao đẳng trực thuộc tỉnh, trường Chính trị tỉnh nhằm đảm bảo tất cả các trường đều có bộ phận nghiên cứu khoa học; ưu tiên nguồn lực phát triển nghiên cứu khoa học, gắn chặt chẽ giảng dạy với nghiên cứu khoa học.

- Khuyến khích phát triển các tổ chức KH&CN, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm ngoài công lập; nhất là các tổ chức KH&CN, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm thuộc các doanh nghiệp, doanh nghiệp KH&CN.

- Trong kiện toàn các tổ chức KH&CN, cần ưu tiên phát triển:

- + Các tổ chức KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học.

- + Các phòng thí nghiệm, thử nghiệm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động sự nghiệp.

2. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các tổ chức KH&CN, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm

- Rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị của các phòng thí nghiệm, thử nghiệm hiện có trực thuộc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ. Bổ sung cơ sở vật chất,

trang thiết bị để các phòng thí nghiệm, thử nghiệm đáp ứng được yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao; có giải pháp tích hợp các trang thiết bị thử nghiệm, nghiên cứu đã có tại các phòng thí nghiệm, thử nghiệm trên địa bàn tỉnh để dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp, lãng phí. Phân đầu thực hiện được một số xét nghiệm mà hiện nay đang phải làm ở các đơn vị Trung ương (như dịch bệnh của gia súc, gia cầm ...).

- Hỗ trợ trang thiết bị kỹ thuật cho các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, y dược.

- Trong đầu tư cơ sở vật chất cho các phòng thí nghiệm, thử nghiệm, cần phải ưu tiên đầu tư để các phòng thí nghiệm, thử nghiệm thuộc các Sở đạt chuẩn VILAS.

3. Xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao

- Rà soát, đánh giá nhu cầu và thực trạng sử dụng nhân lực KH&CN chất lượng cao trong từng ngành, từng đơn vị. Trên cơ sở đó có cơ chế, chính sách để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng có hiệu quả nhân lực KH&CN chất lượng cao; đặc biệt chú trọng việc sử dụng có hiệu quả đội ngũ nhân lực KH&CN chất lượng cao hiện có.

- Trong cơ chế chính sách để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao, cần ưu tiên tập trung vào các đối tượng:

- + Tiến sĩ chuyên ngành trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản;
- + Tiến sĩ, Thạc sĩ công nghệ;
- + Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Bác sĩ nội trú;
- + Lập trình viên.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp thuê chuyên gia về KH&CN.

4. Xây dựng cơ chế chính sách thu hút các dự án đầu tư có hàm lượng KH&CN cao; cơ chế khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng KH&CN, đổi mới công nghệ - thiết bị; thành lập doanh nghiệp KH&CN

- Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư các dự án sản xuất sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao (Sản phẩm sau lọc hoá dầu, plastic, cơ khí, thiết bị, thép cán, phần mềm và nội dung số...). Có cơ chế khuyến khích đặc biệt đối với các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao. Khuyến khích các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp lớn liên kết, liên doanh thực hiện các dự án đầu tư vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng; khu nông nghiệp công nghệ cao thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định; vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao dọc tuyến đường Hồ Chí Minh. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào Khu công nghệ thông tin tập trung.

- Xây dựng và triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng KH&CN, đổi mới công nghệ - thiết bị, nghiên cứu làm chủ công nghệ, phát triển thành doanh nghiệp KH&CN.

- Xây dựng cơ chế chính sách ươm tạo các doanh nghiệp phần mềm và nội dung số.

5. Thúc đẩy hình thành thị trường KH&CN; tăng kinh phí đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách của nhà nước cho cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN hoặc tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Phân đấu 100% nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sau khi được nghiệm thu thì kết quả sẽ được giao cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng.

- Triển khai việc công nhận kết quả nghiên cứu KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thương mại hóa sản phẩm từ nghiên cứu của mình.

- Thực hiện nghiêm túc cơ chế đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN, gắn với việc nâng cao trách nhiệm của cơ quan đặt hàng trong việc sử dụng kết quả nghiên cứu đã thành công.

- Đẩy mạnh hoạt động kết nối cung - cầu về công nghệ; các hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN như: cung cấp thông tin, tổ chức giới thiệu về công nghệ; tư vấn về mua bán công nghệ, mua bán các kết quả nghiên cứu; hỗ trợ trong việc đánh giá, định giá công nghệ.

- Bố trí tăng thỏa đáng nguồn kinh phí SNKH của tỉnh cho thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, đối ứng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, hỗ trợ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở nhằm cơ bản đáp ứng yêu cầu đặt hàng về KH&CN của các ngành, các cấp.

6. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho KH&CN, trong đó ưu tiên đầu tư khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ cao, khu phần mềm tập trung

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng cho: khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng. huyện Thọ Xuân, quy mô 800 - 1.000ha; khu nông nghiệp công nghệ cao thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, quy mô 1.800 ha; vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao dọc tuyến đường Hồ Chí Minh để phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực; khu công nghệ thông tin tập trung (phần mềm, nội dung số) tại Khu Đông Nam thành phố Thanh Hóa.

- Xây dựng sàn giao dịch công nghệ tỉnh Thanh Hóa để hỗ trợ hoạt động mua - bán công nghệ và thiết bị.

7. Khuyến khích thành lập các Quỹ đầu tư mạo hiểm của tư nhân; nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh; khuyến khích thành lập các Quỹ phát triển KH&CN trong doanh nghiệp

- Khuyến khích việc thành lập và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các Quỹ đầu tư mạo hiểm tư nhân theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh để hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích thành lập các Quỹ Phát triển KH&CN trong doanh nghiệp để tăng nguồn kinh phí đầu tư cho các hoạt động KH&CN.

8. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

- Thực hiện nghiêm túc cơ chế đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN, gắn với việc nâng cao trách nhiệm của cơ quan đặt hàng trong việc sử dụng kết quả nghiên cứu đã thành công.

- Tăng tỷ lệ nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được giao theo phương thức tuyển chọn; đảm bảo công khai, minh bạch và cạnh tranh trong tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Xây dựng quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở và cơ chế hỗ trợ các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

- Tổ chức thẩm định nghiêm túc về công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; thực hiện quản lý, giám sát công nghệ các dự án đầu tư theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ.

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 phải tập trung ưu tiên vào: công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; lĩnh vực nông nghiệp, y dược, môi trường, công nghệ thông tin và nội dung số.

- Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình, quy hoạch, chính sách trong lĩnh vực KH&CN; tập trung vào:

+ Đề án phát triển KH&CN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020;

+ Kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 vào hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020;

+ Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020;

+ Quy hoạch (điều chỉnh) và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các tổ chức KH&CN, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm trên địa bàn tỉnh đến năm 2020;

+ Cơ chế, chính sách khuyến khích nghiên cứu ứng dụng KH&CN, đổi mới công nghệ - thiết bị, nâng cao năng lực KH&CN trên địa bàn tỉnh;

+ Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN đến năm 2020.

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc thực hiện Quy hoạch phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức đánh giá, xếp loại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Xây dựng phương án đầu tư nâng cao năng lực kiểm định, kiểm nghiệm của Trung tâm dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thanh Hóa để đáp ứng nhu cầu phân tích, kiểm nghiệm, xét nghiệm, thử nghiệm của các sở, ngành.

- Tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp để khuyến khích doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; hỗ trợ để các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của doanh nghiệp đạt chuẩn VILAS.

- Tổ chức thực thi quy định về giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách của nhà nước; công nhận kết quả nghiên cứu KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước.

- Theo dõi, đôn đốc các ngành, các huyện xây dựng và triển khai kế hoạch KH&CN hằng năm, các chương trình KH&CN của ngành, của huyện, theo định hướng công nghệ và lĩnh vực ưu tiên.

- Thực hiện tốt hoạt động thẩm định công nghệ các dự án đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với Sở KH&CN xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị cho các tổ chức KH&CN công lập, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm thuộc các ngành, trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2016 - 2020; trước mắt tập trung ưu tiên hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật cho Trung tâm Thông tin ứng dụng chuyển giao KH&CN, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học; sàn giao dịch công nghệ Thanh Hóa.

- Bố trí vốn cho các dự án đầu tư xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng; khu nông nghiệp công nghệ cao thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định; vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao dọc tuyến đường Hồ Chí Minh; khu công nghệ thông tin tập trung.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng chính sách ưu tiên thu hút đặc biệt các dự án đầu tư sản phẩm công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2020; chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng chính sách ươm tạo doanh nghiệp phần mềm và nội dung số.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Trên cơ sở các công nghệ, lĩnh vực ưu tiên, xác định nhu cầu về công nghệ - thiết bị cần đầu tư, đổi mới, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cần áp dụng, đối tượng cần được bảo hộ về SHTT để chủ động tổ chức triển khai thực hiện trong ngành. Trường hợp vượt quá khả năng giải quyết của ngành thì đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp bộ, cấp quốc gia.

- Chỉ đạo các tổ chức KH&CN trực thuộc đánh giá thực trạng, xây dựng phương án tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao nhân lực KH&CN, đổi mới hoạt động để đến năm 2020 được đánh giá đạt loại Tốt trở lên; rà soát các phòng thí nghiệm, thử nghiệm và xây dựng phương án để các phòng thí nghiệm, thử nghiệm đạt chuẩn VILAS.

- Rà soát nhu cầu về nhân lực KH&CN chất lượng cao của ngành; trên cơ sở đó có kế hoạch lựa chọn, tiếp nhận, tuyển dụng hoặc đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN chất lượng cao để bổ sung cho các vị trí cần thiết.

- Huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện các dự án đầu tư.

4. Sở Tài chính.

- Cân đối, bố trí tăng vốn cho KH&CN để thực hiện được các chính sách, quy định mới về KH&CN do tỉnh ban hành và nhu cầu đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh.

5. Sở Nội vụ.

Xây dựng kế hoạch đào tạo; cơ chế, chính sách thu hút, bồi dưỡng, sử dụng nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao giai đoạn 2016 - 2020.

6. Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Xây dựng các Chương trình KH&CN trọng điểm của ngành, địa phương giai đoạn 2016 - 2020 và tổ chức triển khai thực hiện.

- Chủ động xác định các sản phẩm đột phá về KH&CN của ngành, của địa phương và tổ chức triển khai thực hiện việc đổi mới công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Trường hợp vượt quá khả năng giải quyết của ngành, địa phương thì đề xuất thành các nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp bộ cấp quốc gia để được hỗ trợ giải quyết.

- Tổ chức quản lý và khai thác tốt các sản phẩm đã được bảo hộ về chỉ dẫn địa lý, được cấp nhãn hiệu tập thể.

7. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá.

Thực hiện tốt công tác truyền bá, phổ biến kiến thức khoa học và chuyên giao ứng dụng KHCN mới vào sản xuất và đời sống.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các chính sách, chương trình, đề án về KH&CN.

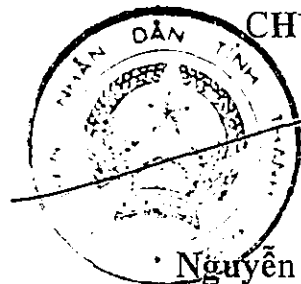
8. Các cơ quan báo, đài của tỉnh.

Tổ chức tuyên truyền kịp thời các chính sách, chương trình, dự án về KH&CN. Phát hiện và tuyên truyền kịp thời các cách làm hay, các mô hình, cá nhân điển hình trong hoạt động KH&CN trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- T. Tr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Các thành viên UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH, VP HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



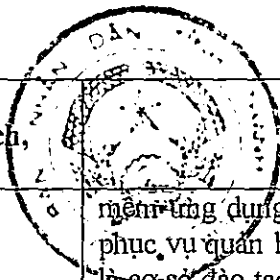
Nguyễn Đình Xứng



Phụ lục 1
CÁC ĐỀ ÁN, CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH
CÀN XÂY DỰNG, BAN HÀNH
(Ban hành kèm theo Kế hoạch hành động số: 469/KH-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh)

S T T	Tên đề án, chương trình, chính sách, kế hoạch	Mục tiêu, nội dung chủ yếu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1.	Đề án Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020	- Xác định mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để phát triển KH&CN tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020 trên 3 nội dung: Nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của tỉnh; Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH&CN; Đổi mới quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn tỉnh. - Xác định các chương trình KH&CN trọng điểm của Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020 để định hướng cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao KH&CN trên địa bàn tỉnh.	Sở KH&CN	Các sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2016	Đã được phê duyệt
2.	Kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 vào hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020	Đến năm 2020 có 100% UBND phường, thị trấn, xã đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến xã (hiện nay toàn bộ các sở, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện đang áp dụng ISO 9001: 2008).	Sở KH&CN	Các sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2016	Đã được phê duyệt
3.	Chương trình Hỗ trợ phát triển tài trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa	Triển khai và cụ thể hóa Chương trình phát triển tài sản trí tuệ 2016 - 2020 của Quốc gia (Quyết định 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Chương trình này nhằm: Nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân về tài sản trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế; Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ, tập trung vào các trường đại học và doanh nghiệp; Hỗ trợ khai thác, áp dụng vào thực tiễn các sáng chế/giải pháp hữu ích của Việt Nam; Hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm đặc thù của địa phương, sản phẩm làng nghề mang địa danh; Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ	Sở KH&CN	Các sở, ngành cấp tỉnh UBND các huyện, thị xã, thành phố	2016	

S T T	Tên đề án, chương trình, chính sách, kế hoạch	Mục tiêu, nội dung chủ yếu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
		trong việc xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ; Hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong và ngoài nước đối với các sản phẩm trọng điểm của tỉnh.				
4.	Chính sách khuyến khích phát triển KH&CN để KH&CN trở thành đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội	Đẩy nhanh hoạt động ứng dụng tiến bộ KH&CN, đổi mới công nghệ - thiết bị, nâng cao năng lực KH&CN trên địa bàn tỉnh	Sở KH&CN	Các Sở, ngành có liên quan	2017	
5.	Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Tăng số lượng doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp KH&CN; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Thanh Hóa.	Sở KH&CN	Các Sở, ngành có liên quan	2017	
6.	Kế hoạch chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ sang cơ chế tự chủ theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ	100% tổ chức KH&CN công lập thuộc tỉnh được phê duyệt phương án tự chủ trước ngày 01/7/2017, thực hiện tự chủ từ năm 2018 theo quy định tại Nghị định 54/2016/NĐ-CP	Sở Nội vụ Sở Tài chính Sở KH&CN	Các Sở, ngành và tổ chức KH&CN có liên quan	2017	
7.	Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để các phòng thí nghiệm, thử nghiệm đạt chuẩn VILAS	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo nhân lực để 100% các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và 70% phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các doanh nghiệp sản xuất đạt chuẩn VILAS; trong đó, tất cả phòng thí nghiệm, thử nghiệm thuộc lĩnh vực nông nghiệp, công nghệ thông tin, y dược đạt chuẩn VILAS	Các Sở chủ quản các tổ chức KH&CN, phòng thí nghiệm, thử nghiệm	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở KH&CN	2017	
8.	Phương án thành lập Viện Nghiên cứu ứng dụng KH&CN nông nghiệp và phát triển Nông thôn	Thành lập được Viện Nghiên cứu ứng dụng KH&CN Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sáp nhập 4 Trung tâm hiện có trực thuộc Sở NN&PTNT và 01 trung tâm của Sở KH&CN nhằm nâng cao hiệu quả và năng lực nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở NN&PTNT	Sở Nội vụ, Sở KH&CN	2017	
9.	Phương án thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc	Thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa có chức năng nghiên cứu, sản xuất, tư vấn chuyển giao các phần	Sở TT&TT	Sở Nội vụ, Sở KH&CN	2017	



S T T	Tên đề án, chương trình, chính sách, kế hoạch	Mục tiêu, nội dung chủ yếu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	tỉnh	nhận ứng dụng, các giải pháp bảo mật đảm bảo an ninh mạng phục vụ quản lý hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp; là cơ sở đào tạo, ương tạo doanh nghiệp phần mềm, nội dung số trên địa bàn tỉnh				
10.	Phương án nâng cao năng lực kiểm định, kiểm nghiệm của Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thanh Hóa	Nâng cao năng lực kiểm định, kiểm nghiệm của Trung tâm dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thanh Hóa để trở thành đơn vị có khả năng thực hiện toàn bộ các hoạt động phân tích, xét nghiệm, thử nghiệm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước của các sở, ngành.	Sở KH&CN	Các Sở, ngành cấp tỉnh	2017	

Phụ lục 2
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÓ HÀM LƯỢNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CAO
ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2016 – 2020
(Ban hành kèm theo Kế hoạch hành động số 169 /KH-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Địa điểm triển khai	Quy mô đầu tư/ Nội dung dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị liên hệ
I	Lĩnh vực nông nghiệp				
	<i>Trồng trọt</i>				
1.	Phát triển vùng lúa chất lượng cao gắn với chế biến gạo	Các huyện trọng điểm lúa của tỉnh	30.000 ha	2016 - 2020	Sở NN&PTNT
2.	Sản xuất lúa chất lượng cao an toàn bằng phương pháp hữu cơ	Thiệu Hóa, Yên Định, Thọ Xuân, Đông Sơn, Triệu Sơn, TP Thanh Hóa	10.000 ha	2016 - 2020	Sở NN&PTNT Công ty Cổ phần Mía Đường Lam Sơn
3.	Sản xuất hạt lai F1, sản xuất giống lúa thuần năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.	Các huyện trọng điểm lúa của tỉnh	1.000 ha	2016 - 2020	Sở NN&PTNT
4.	Sản xuất, chế biến cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao	Các huyện dọc đường Hồ Chí Minh	10.000 ha	2016 - 2020	Sở NN&PTNT
5.	Chế biến cùi xuất khẩu	Nga Sơn, Quảng Xương	40 - 42 tấn/ngày	2016 - 2020	Sở NN&PTNT
	<i>Chăn nuôi</i>				
6.	Đầu tư du nhập và phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao	Các huyện vùng trung du và đồng bằng	5.000 bò cái sinh sản 10.000 bò cái lai thịt F2, F3	2016 - 2020	Sở NN&PTNT
	<i>Lâm nghiệp</i>				
7.	Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu Quế tập trung gắn với chế biến tinh dầu xuất khẩu	Huyện Thường Xuân	7.500 ha	2016 - 2020	UBND huyện Thường Xuân
8.	Ứng dụng công nghệ cao sản xuất tre ép công nghiệp tại xã Thiết Ống, huyện Bá Thước	Huyện Bá Thước	100.00m ³ sản phẩm/năm	2016 - 2020	Sở NN&PTNT
II	Lĩnh vực công nghiệp				
	<i>Điện, điện tử</i>				
9.	Sản xuất thiết bị âm thanh, nghe nhìn, thiết bị thông tin liên lạc	KCN Lam Sơn	10.000 SP/năm	2016 - 2020	BQL KKT Nghi Sơn và các KCN

STT	Tên dự án	Địa điểm triển khai	Quy mô đầu tư/ Nội dung dự án	Thời gian thực hiện	Đầu mối liên hệ
10.	Sản xuất thiết bị bán dẫn, máy tính và thiết bị ngoại vi máy tính	KCN Lam Sơn, KCN Tây Bắc Ga	200.000 SP/năm		BQL KKT Nghi Sơn và các KCN
11.	Sản xuất thiết bị điều hòa không khí, sưởi ấm	KCN Tây Bắc Ga	100.000 sp/năm	2016 - 2010	BQL KKT Nghi Sơn và các KCN
	<i>Vật liệu</i>				
12.	Sản xuất vật liệu, panel pin mặt trời	KCN Ngọc Lặc	Sản xuất vật liệu, panel pin mặt trời phục vụ quá trình thu - biến đổi - lưu trữ năng lượng mặt trời.	2016 - 2020	BQL KKT Nghi Sơn và các KCN
13.	Sản xuất vật liệu không nung loại nhẹ	TP Thanh Hóa, Khu kinh tế Nghi Sơn, thị xã Bim Sơn	Công suất > 250.000m3/năm	2016 - 2020	Sở Xây dựng
14.	Sản xuất gạch không nung bê tông	11 huyện miền núi	Công suất > 10 triệu viên/năm	2016 - 2020	Sở Xây dựng
	<i>Năng lượng</i>				
15.	Sản xuất điện năng lượng mặt trời nổi lưới	Các huyện miền núi	30MW	2016 - 2010	BQL KKT Nghi Sơn và các KCN
16.	Thiết bị đồng bộ khai thác, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo	KCN Lam Sơn - Sao Vàng	Các nguồn năng lượng tái tạo	2016 - 2020	BQL KKT Nghi Sơn và các KCN
17.	Nhà máy sản xuất khí công nghiệp	KKT Nghi Sơn	100 - 200 nghìn tấn/năm	2016-2020	BQL KKT Nghi Sơn và các KCN
III	Lĩnh vực công nghệ thông tin				
	<i>Phần mềm ứng dụng</i>				
18.	Phần mềm ứng dụng phục vụ sản xuất, chế biến thuộc lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao	Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp		2017 - 2020	Sở NN&PTNT
19.	Phần mềm ứng dụng phục vụ công tác quản lý tài nguyên - môi trường (dự báo, cảnh báo thiên tai, thảm họa môi trường...)	Các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường		2017 - 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường
20.	Phần mềm ứng dụng phục vụ công tác quản lý giao thông vận tải (điều khiển, giám sát hệ thống giao thông ...)	Các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải		2017 - 2020	Sở Giao thông vận tải
21.	Phần mềm ứng dụng phục vụ công tác	Các sở, ban, ngành UBND các		2017 - 2020	Các sở, ban, ngành

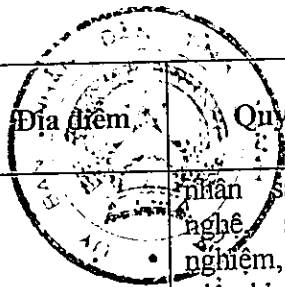
STT	Tên dự án	Địa điểm triển khai	Quy mô đầu tư/ Nội dung dự án	Thời gian thực hiện	Đầu mối liên hệ
	Chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước (Phần mềm một cửa điện tử liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; Quản lý, liên thông văn bản, hồ sơ công việc; Hệ thống thông tin phục vụ công tác chuyên ngành: nhân sự, thi đua khen thưởng, lao động việc làm, giáo dục, y tế, bảo hiểm ...)	huyện, thị xã, thành phố			UBND các huyện, thị xã, thành phố
22.	Phần mềm hỗ trợ công tác quản lý và phát triển chuyên ngành y tế, giáo dục, lao động, thương binh và xã hội, văn hóa, thể thao, du lịch, thương mại, tài chính, kế hoạch, đầu tư ..	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh		2017 - 2020	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh
	<i>Cơ sở dữ liệu</i>				
23.	Cơ sở dữ liệu tổng hợp thông tin kinh tế - xã hội	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã; các hiệp hội doanh nghiệp	Hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu tổng hợp thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh phục vụ chính quyền điện tử	2017 - 2020	Sở KH&ĐT
24.	Cơ sở dữ liệu về từng lĩnh vực kinh tế xã hội (văn hóa, du lịch, y tế, giáo dục, lao động, công thương)	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu phục vụ chính quyền điện tử	2017 - 2020	Các sở, ngành cấp tỉnh
IV	Lĩnh vực Y - Dược				
	<i>Dược phẩm, mỹ phẩm</i>				
25.	Sản xuất dược phẩm công nghệ cao	KCN Lam Sơn, Tây Bắc Ga		2016 - 2020	BQL KKT Nghi Sơn và các KCN
26.	Sản xuất mỹ phẩm công nghệ cao	KCN Lam Sơn, Tây Bắc Ga		2016 - 2020	BQL KKT Nghi Sơn và các KCN
	<i>Thiết bị y tế</i>				
27.	Sản xuất thiết bị y tế	KCN Tây Bắc Ga	10.000 SP/năm	2016 - 2020	BQLKKT Nghi Sơn và các KCN

Phụ lục 3
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch hành động số: 169 /KH-UBND ngày 09 /11/2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn, hình thức đầu tư	Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư
1.	Hạ tầng Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng	Huyện Thọ Xuân	800 - 1000 ha	1.000	Ngân sách và nguồn vốn hợp pháp khác	2016 - 2020	Sở NN& PTNT
2.	Hạ tầng Khu nông nghiệp công nghệ cao thị trấn Thông Nhất - Yên Định	Huyện Yên Định	1.800ha	1.200	Ngân sách và nguồn vốn hợp pháp khác	2017 - 2020	Sở NN& PTNT
3.	Hạ tầng Khu công nghệ thông tin tập trung (phần mềm, nội dung số) tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030	Thành phố Thanh Hóa	5ha (giai đoạn 1)	500	Thu hút đầu tư và ngân sách nhà nước	2016 - 2020	Sở TT&TT
4.	Đầu tư vùng nông nghiệp công nghệ cao các huyện dọc đường Hồ Chí Minh	Các huyện trung du, miền núi	Vùng mía thâm canh khoảng 7.000 ha; rau an toàn 1.000 ha; 2 trang trại chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, qui mô 3.000 con/trang trại; Khu liên hợp sản xuất thức ăn chăn nuôi kết hợp nuôi lợn ngoại hướng nạc, quy mô 70 nghìn con...	2.000	Ngân sách và nguồn vốn hợp pháp khác	2016 - 2020	Sở NN& PTNT
5.	Sàn giao dịch công nghệ tỉnh Thanh Hóa và đầu	TP. Thanh Hóa	Xây dựng sàn giao dịch công nghệ; đầu tư trang	40	Ngân sách và nguồn vốn hợp pháp khác	2017 - 2019	Sở KH&CN

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn, hình thức đầu tư	Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư
	tư trang thiết bị chuyên môn cho Trung tâm Thông tin - Ứng dụng - Chuyển giao KH&CN		thiết bị chuyên môn nhằm nâng cao năng lực của Trung tâm Thông tin - ứng dụng - chuyển giao KH&CN Thanh Hóa				
6.	Trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ	TP. Thanh Hóa	Đảm bảo điều kiện làm việc cho Sở Khoa học và Công nghệ sau khi bàn giao trụ sở hiện tại cho Công an tỉnh theo chủ trương của UBND tỉnh	90	Vốn cân đối ngân sách địa phương	2017 - 2019	Sở KH&CN
7.	Nâng cao năng lực cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học Thanh Hóa	TP. Thanh Hóa	Tăng cường tiềm lực của Trung tâm, đảm bảo được việc thực hiện tiếp nhận, chuyển giao các TBKT trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, phục vụ chương trình CNH-HĐH nông nghiệp và phát triển nông thôn	40	Ngân sách và nguồn vốn hợp pháp khác	2017 - 2019	Sở KH&CN
8.	Dự án đầu tư nâng cấp Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	TP Thanh Hóa	Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nhân lực để Trung tâm nâng cao năng lực phân tích, thử nghiệm, đo lường của Trung tâm	100	Ngân sách và nguồn vốn hợp pháp khác	2018 - 2020	Sở KH&CN
9.	Đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm đổi mới sáng tạo (Innovation Lab) phục vụ hoạt động	Khu CNTT tập trung của tỉnh	Đầu tư xây dựng trang thiết bị cho 01 phòng thí nghiệm đổi mới sáng tạo để hỗ trợ tổ chức, cá	20	Thu hút đầu tư và ngân sách nhà nước	2018 - 2020	Sở TT&TT



STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Địa điểm	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn, hình thức đầu tư	Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư
	nghiên cứu và phát triển (R&D) trong lĩnh vực CNTT-TT		Thúc đẩy sáng tạo công nghệ sản xuất thử nghiệm, kiểm thử và triển khai các giải pháp, phát triển sản phẩm nhằm thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp của sinh viên, doanh nghiệp phần mềm và nội dung số				
10.	Các dự án nâng cao năng lực của các tổ chức KH&CN, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các Sở, ngành, trường đại học	TP. Thanh Hóa	Nâng cao năng lực của các tổ chức KH&CN, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các Sở, ngành, trường đại học	400	Ngân sách và nguồn vốn hợp pháp khác	2017 - 2019	Các Sở chủ quản
11.	Các dự án ứng dụng kỹ thuật cao trong lĩnh vực y tế	Các Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh	Ứng dụng kỹ thuật điều trị tại các bệnh viện tuyến tỉnh	500	Ngân sách và nguồn vốn hợp pháp khác	2017 - 2020	Sở Y tế Thanh Hóa